

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty con của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd, một đơn vị được thành lập tại Hàn Quốc. Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 36/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 02 tháng 07 năm 2008. Trong năm 2018, các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của họ trong Công ty cho Mirae Asset Global Investments Co., Ltd. Vào ngày 20 tháng 08 năm 2018, UBCK đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK về việc thay đổi tên, địa điểm trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của Công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn. Hiện tại, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102811624 của Công ty được điều chỉnh đến lần thứ 3 vào ngày 20 tháng 06 năm 2023.

Một số thông tin về Công ty tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

Mã số doanh nghiệp	0102811624
Tên doanh nghiệp	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán
Vốn điều lệ	26.000.000.000 đồng
Chủ sở hữu	Mirae Asset Global Investments Co., Ltd

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Dong Won	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2024
Ông Kim DoHoon	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2024

KIỂM SOÁT VIÊN

Kiểm soát viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Kang Sang Sin	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2022
-------------------	----------------	------------------------------------

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Soh Jin Wook	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2021
------------------	---------------	------------------------------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến nay là Ông Soh Jin Wook – Chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

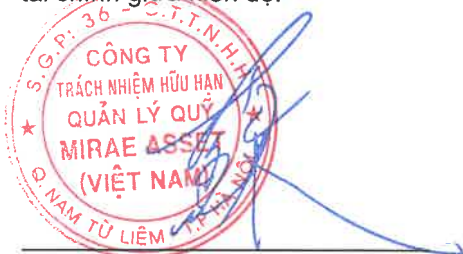
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Soh Jin Wook
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Số tham chiếu: 12556551/E-68424843-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) được lập ngày 13 tháng 08 năm 2024 và được trình bày từ trang 05 đến trang 31 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		59.797.837.477	63.288.977.936
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	4.697.052.493	5.603.960.962
111	1. Tiền		4.697.052.493	5.603.960.962
	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	47.799.811.667	49.222.476.716
121	1. Đầu tư ngắn hạn		47.799.811.667	49.222.476.716
	2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.507.023.135	7.060.369.834
132	1. Trả trước cho người bán		-	273.774.120
134	2. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	7	4.407.242.528	3.979.477.504
135	3. Các khoản phải thu khác	8	1.099.780.607	2.807.118.210
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.793.950.182	1.402.170.424
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.793.950.182	1.402.170.424
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.494.778.632	25.890.057.789
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		832.193.680	832.193.680
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	832.193.680	832.193.680
220	II. Tài sản cố định		663.655.000	362.850.000
227	1. Tài sản cố định vô hình	11	663.655.000	362.850.000
228	Nguyên giá		818.350.000	469.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(154.695.000)	(106.150.000)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6	32.803.920.468	24.403.920.468
258	1. Đầu tư dài hạn khác		32.803.920.468	24.403.920.468
260	IV. Tài sản dài hạn khác		195.009.484	291.093.641
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	195.009.484	291.093.641
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		94.292.616.109	89.179.035.725
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.803.652.749	2.749.020.670
310	I. Nợ ngắn hạn		3.803.652.749	2.749.020.670
312	1. Phải trả người bán		336.372.316	128.149.914
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	674.100.433	2.620.870.756
315	3. Phải trả người lao động		180.000	-
316	4. Chi phí phải trả		2.793.000.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	90.488.963.360	86.430.015.055
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.918.115.150	6.918.115.150
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		1.224.533.000	1.224.533.000
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.224.533.000	1.224.533.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.121.782.210	51.062.833.905
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		94.292.616.109	89.179.035.725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
030	1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (*)	14.1	6.814.951.142	6.818.250.533
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	3.299.391
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		6.814.951.142	6.814.951.142
051	3. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (*)	14.2	128.832.080.320	128.832.080.320

(*) Theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC, các khoản tiền gửi, chứng khoán, danh mục đầu tư và các khoản phải thu, phải trả của nhà đầu tư ủy thác và vốn nhận của người ủy thác đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ theo dõi và hạch toán ngoại bảng.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện giao dịch cho các danh mục đầu tư ủy thác của Công ty mẹ và Mirae Asset Global Investments (HongKong) Ltd (một công ty trong cùng Tập đoàn) trên tài khoản của các khách hàng ủy thác theo các hợp đồng quản lý phụ với Công ty mẹ và Mirae Asset Global Investments (HongKong) Ltd. Tiền gửi, danh mục đầu tư của các khách hàng này như sau:

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác theo hợp đồng quản lý phụ	15	133.270.867.282	106.556.965.142
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		133.270.867.282	106.556.965.142
2. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác theo hợp đồng quản lý phụ	15	3.607.995.592.440	3.432.881.745.532
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		3.607.995.592.440	3.432.881.745.532

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lua
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Phê duyệt:



Ông Soh Jin Wook
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND
01	1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	16	18.328.460.613	15.571.719.799
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		18.328.460.613	15.571.719.799
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	(5.813.876.468)	(5.548.051.746)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		12.514.584.145	10.023.668.053
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	2.017.102.355	2.139.541.225
22	7. Chi phí tài chính	19	(3.430.724)	354.289.164
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(9.449.826.556)	(10.375.145.066)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.078.429.220	2.142.353.376
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		-	-
40	12. Lợi nhuận khác		-	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.078.429.220	2.142.353.376
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	21	(1.019.480.915)	(446.212.744)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.058.948.305	1.696.140.632

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán trưởng



Ông Soh Jin Wook
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động quản lý quỹ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		18.024.540.260	18.703.110.841
02	Tiền chi trả cho hoạt động quản lý quỹ và người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(5.622.747.805)	(5.674.362.533)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(5.052.023.540)	(5.871.699.693)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(1.141.035.917)	(308.391.963)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		39.701.186	15.867.567
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.560.624.937)	(3.909.629.495)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.687.809.247	2.954.894.724
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(174.675.000)	-
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(31.100.000.000)	(25.906.704.260)
24	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		34.150.000.000	8.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(11.500.000.000)	(560.930.135)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.850.840.568	10.538.855.124
27	Tiền thu lãi và cổ tức được chia		3.179.062.693	1.390.401.512
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.594.771.739)	(6.538.377.759)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(906.962.492)	(3.583.483.035)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.603.960.962	8.170.853.341
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		54.023	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	4.697.052.493	4.587.370.306

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Phê duyệt



Ông Soh Jin Wook
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

B05a-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2023 VND	01/01/2024 VND	Kỳ trước		Kỳ này		30/06/2023 VND	30/06/2024 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	26.000.000.000	26.000.000.000	-	-	-	-	26.000.000.000	26.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	12	6.918.115.150	6.918.115.150	-	-	-	-	6.918.115.150	6.918.115.150
3. Quỹ dự phòng tài chính	12	1.224.533.000	1.224.533.000	-	-	-	-	1.224.533.000	1.224.533.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	12	1.224.533.000	1.224.533.000	-	-	-	-	1.224.533.000	1.224.533.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12	44.227.872.829	51.062.833.905	1.696.140.632	-	4.058.948.305	-	45.924.013.461	55.121.782.210
TỔNG CỘNG		79.595.053.979	86.430.015.055	1.696.140.632	-	4.058.948.305	-	81.291.194.611	90.488.963.360

Người lập:

Bà Vũ Thị Thủy Lụa
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024



Ông Soh Jin Wook
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty con của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd (“Công ty mẹ”), một đơn vị được thành lập tại Hàn Quốc. Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 36/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 02 tháng 07 năm 2008. Trong năm 2018 các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của họ trong Công ty cho Mirae Asset Global Investments Co., Ltd. Vào ngày 20 tháng 08 năm 2018, UBCK đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK về việc thay đổi tên, địa điểm trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của Công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn. Hiện tại, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102811624 của Công ty được điều chỉnh đến lần thứ 3 vào ngày 20 tháng 06 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 21 người (31 tháng 12 năm 2023: 23 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán hay giai đoạn tài chính giữa niên độ của Công ty được áp dụng cho việc lập báo cáo giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 06 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

3. TUYÊN BỐ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong khoản mục “Tiền và các khoản tương đương tiền”. và các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư số 24/2022/TT-BTC (“Thông tư số 24”) ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Giá trị khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính	-	Số lượng chứng khoán doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính	X	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	--	---	---	---	---

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định trên.

Trường hợp tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định trên.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định trên.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.5 Hao mòn

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
-------------------	-----------

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.7 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.8 Phân phối lợi nhuận

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) là công ty con 100% vốn chủ sở hữu của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd ("Công ty mẹ"). Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty, sau khi trích lập các quỹ, được chuyển về Công ty mẹ theo quyết định của Công ty mẹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục ủy thác đầu tư, phí tư vấn đầu tư được tính toán theo các điều khoản của hợp đồng quản lý, tư vấn trên cơ sở dồn tích.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ: tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.11 Các quỹ

Năm 2021 trở về trước Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*)	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

(*) Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, số liệu này của quỹ được trình bày trong mục "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán tuân thủ với các yêu cầu về trình bày của Thông tư 125.

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận giữ lại theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận giữ lại theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu của Công ty để hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Căn cứ thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, từ năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu của Công ty.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 125") không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được hiểu là có số dư bằng không.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền mặt	13.559.782	514.018
Tiền gửi ngân hàng	4.683.492.711	5.603.446.944
- Bằng VND	4.611.456.439	5.603.446.944
- Bằng USD	72.036.272	-
	4.697.052.493	5.603.960.962

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.799.811.667	49.222.476.716
Tiền gửi ngắn hạn	10.850.000.000	23.300.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.850.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	-	3.300.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	11.000.000.000	10.000.000.000
Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	11.000.000.000	10.000.000.000
Cổ phiếu	-	1.472.665.049
Chứng chỉ quỹ	25.949.811.667	14.449.811.667
Đầu tư tài chính dài hạn	32.803.920.468	24.403.920.468
Tiền gửi dài hạn	14.500.000.000	6.100.000.000
Trái phiếu	8.103.920.468	8.103.920.468
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.200.000.000	10.200.000.000
	80.603.732.135	73.626.397.184

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn còn lại từ ba (03) đến chín (09) tháng và được hưởng lãi suất từ 4,40%/năm đến 5,60%/năm, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn còn lại dưới 10 tháng và được hưởng lãi suất 7,00%/năm, hợp đồng tiền gửi dài hạn có kỳ hạn còn lại dưới mười lăm (15) tháng và được hưởng lãi suất từ 5,45%/năm đến 6,55%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư	2.736.597.013	2.479.827.736
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (*)	1.576.159.468	1.439.540.126
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	94.486.047	60.109.642
	4.407.242.528	3.979.477.504

(*) Theo quy định tại Điều lệ Quỹ, phí quản lý của Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam ("MAGEF"), Quỹ ETF MAFM VN30, Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam ("MAFF"), Quỹ đầu tư cơ hội Mirae Asset Việt Nam ("MAOF") và Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được tính lần lượt bằng 1,75%, 0,60%, 0,80%, 0,80% và 0,60% giá trị tài sản ròng trung bình của quỹ trong kỳ.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	809.136.823	2.029.099.045
Phải thu lãi trái phiếu	289.575.000	777.600.000
Các khoản phải thu khác	1.068.784	419.165
	1.099.780.607	2.807.118.210

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê nhà trả trước	849.969.867	833.465.320
Học phí	710.070.000	355.035.000
Phí sử dụng dịch vụ	215.760.311	21.153.602
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.150.004	2.137.502
	1.793.950.182	1.402.170.424
Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí máy móc, thiết bị	165.870.866	237.601.610
Chi phí phần mềm	4.264.025	10.943.384
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.874.593	42.548.647
	195.009.484	291.093.641
Tổng cộng	1.988.959.666	1.693.264.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Đặt cọc tiền thuê (*)	822.193.680	822.193.680
Phải thu dài hạn khác	10.000.000	10.000.000
	832.193.680	832.193.680

(*) Bao gồm khoản đặt cọc 750.193.680 VND thuê văn phòng và 72.000.000 VND phí đặt cọc thuê xe ô tô.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i> VND
Nguyên giá	
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	469.000.000
Mua trong kỳ	349.350.000
Ngày 30 tháng 06 năm 2024	818.350.000
Hao mòn lũy kế	
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	106.150.000
Hao mòn trong kỳ	48.545.000
Ngày 30 tháng 06 năm 2024	154.695.000
Giá trị còn lại	
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	362.850.000
Ngày 30 tháng 06 năm 2024	663.655.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	<i>Phát sinh trong kỳ</i>		Số cuối kỳ VND
		<i>Số phải nộp VND</i>	<i>Số đã nộp VND</i>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	627.259.503	1.019.480.915	(1.141.035.917)	505.704.501
Thuế thu nhập cá nhân	1.993.611.253	835.644.005	(2.661.348.232)	167.907.026
Thuế giá trị gia tăng	-	3.787.173	(3.298.267)	488.906
	2.620.870.756	1.858.912.093	(3.805.682.416)	674.100.433

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	26.000.000.000	6.918.115.150	1.224.533.000	1.224.533.000	44.227.872.829	79.595.053.979
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	6.834.961.076	6.834.961.076
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	26.000.000.000	6.918.115.150	1.224.533.000	1.224.533.000	51.062.833.905	86.430.015.055
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	4.058.948.305	4.058.948.305
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	26.000.000.000	6.918.115.150	1.224.533.000	1.224.533.000	55.121.782.210	90.488.963.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

14.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

14.1.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		
Số dư đầu kỳ	-	26.743.848.254
Số tăng trong kỳ	-	11.158.788.009
Số giảm trong kỳ	-	(37.899.336.872)
Số dư cuối kỳ	-	3.299.391

14.1.2 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Mirae Asset – Naver Asia Growth Investment Pte. Ltd		
Số dư đầu kỳ	6.814.951.142	6.814.962.142
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	(11.000)
Số dư cuối kỳ	6.814.951.142	6.814.951.142

14.2 Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu từ giao dịch bán chứng khoán	128.832.080.320	128.832.080.320
	128.832.080.320	128.832.080.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC THEO HỢP ĐỒNG QUẢN LÝ PHỤ

15.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác theo hợp đồng quản lý phụ

<i>Hợp đồng với Mirae Asset Global Investments Co.,Ltd</i>	<u>30/06/2024</u> VND	<u>31/12/2023</u> VND
--	--------------------------	--------------------------

Số dư đầu kỳ	95.857.877.707	96.984.376.541
Số tăng trong kỳ	25.274.524.151	-
Số giảm trong kỳ	-	(1.126.498.834)
Số dư cuối kỳ	<u>121.132.401.858</u>	<u>95.857.877.707</u>

<i>Hợp đồng với Mirae Asset Global Investments (HongKong) Ltd</i>	<u>30/06/2024</u> VND	<u>31/12/2023</u> VND
---	--------------------------	--------------------------

Số dư đầu kỳ	10.699.087.435	15.978.054.510
Số tăng trong kỳ	1.439.377.989	-
Số giảm trong kỳ	-	(5.278.967.075)
Số dư cuối kỳ	<u>12.138.465.424</u>	<u>10.699.087.435</u>

15.2 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác theo hợp đồng quản lý phụ

<i>Hợp đồng với Mirae Asset Global Investments Co.,Ltd</i>	<u>30/06/2024</u> VND	<u>31/12/2023</u> VND
--	--------------------------	--------------------------

Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch

- Cổ phiếu niêm yết	2.860.987.397.000	2.792.254.815.750
- Chứng chỉ quỹ niêm yết	386.694.927.900	329.910.058.700

Chứng khoán chưa niêm yết, đăng ký giao dịch

- Cổ phiếu chưa niêm yết	2.436.270.000	2.436.270.000
- Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	220.495.516.090	183.560.864.282

	<u>3.470.614.110.990</u>	<u>3.308.162.008.732</u>
--	---------------------------------	---------------------------------

<i>Hợp đồng với Mirae Asset Global Investments (HongKong) Ltd</i>	<u>30/06/2024</u> VND	<u>31/12/2023</u> VND
---	--------------------------	--------------------------

Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch

Cổ phiếu niêm yết	<u>137.381.481.450</u>	<u>124.719.736.800</u>
	<u>137.381.481.450</u>	<u>124.719.736.800</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND</i>
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	8.586.246.446	8.141.196.486
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	194.557.102	137.392.031
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	9.224.168.158	7.270.787.248
Doanh thu khác	323.488.907	22.344.034
	<u>18.328.460.613</u>	<u>15.571.719.799</u>

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND</i>
Chi phí lương và các khoản liên quan đến lương	3.991.872.500	4.064.971.592
Chi phí công cụ dụng cụ	74.953.022	88.291.271
Chi phí duy trì tài khoản tại Đại lý phân phối quỹ	949.607.923	592.420.541
Chi phí khác	797.443.023	802.368.342
	<u>5.813.876.468</u>	<u>5.548.051.746</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.182.602.361	1.682.544.177
Lãi trái phiếu	289.575.000	-
Lãi bán tài sản tài chính	380.955.951	435.901.128
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	163.969.043	21.095.920
	<u>2.017.102.355</u>	<u>2.139.541.225</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND</i>
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(696.660.181)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	284.307.366
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	553.830	55.976.323
Phí lưu ký chuyển nhượng từ hoạt động đầu tư	2.876.894	2.087.328
	3.430.724	(354.289.164)

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND</i>
Chi phí nhân viên	6.071.154.725	7.447.674.580
Chi phí công cụ, dụng cụ	335.480.347	94.417.798
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.545.000	-
Thuế, lệ phí	6.700.671	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.728.411.479	2.367.564.965
Chi phí khác	259.534.334	460.487.723
	9.449.826.556	10.375.145.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 20% thu nhập chịu thuế (giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.019.480.915</u>	<u>446.212.744</u>

Dưới đây là bảng đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.078.429.220	2.142.353.376
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.015.685.844	428.470.675
Các khoản điều chỉnh tăng: - Chi phí không được khấu trừ thuế	<u>3.795.071</u>	<u>17.742.069</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>1.019.480.915</u>	<u>446.212.744</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
			VND	VND
Mirae Asset Global Investments Co., Ltd	Công ty mẹ	Phí quản lý phụ danh mục đầu tư	8.324.960.642	7.683.389.557
Mirae Asset Global Investments (Hong Kong) Limited	Công ty cùng trong Tập đoàn	Phí quản lý phụ danh mục đầu tư	261.285.804	235.964.032
Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	Công ty cùng trong Tập đoàn	Doanh thu từ lãi chứng chỉ tiền gửi	356.806.599	406.109.589
Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ Trả thay thuế TNCN Trả thay phí phải trả cho VSDC	4.180.130.435 320.175.926 9.471.932 80.300.000	3.335.883.952 19.194.469 7.056.359 78.100.000
Quỹ ETF MAFM VN30	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Trả thay thuế TNCN Trả thay phí phải trả cho VSDC	1.120.939.878 3.000.000 56.700.000	1.040.999.716 3.000.000 54.700.000
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ Trả thay thuế TNCN Trả thay phí phải trả cho VSDC	2.554.730.777 3.014.342 15.152.550 80.300.000	2.533.495.551 3.149.565 10.616.658 67.100.000
Quỹ đầu tư cơ hội Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Trả thay thuế TNCN	229.809.247 3.000.000	208.684.983 3.000.000
Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Trả thay thuế TNCN Trả thay phí phải trả cho VSDC Phí cấp giấy chứng nhận thành lập	1.138.557.821 1.800.000 47.600.000 -	151.723.046 1.190.322 16.800.000 20.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư trọng yếu của Công ty với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Mirae Asset Global Investments Co., Ltd Công ty mẹ	Công ty mẹ	Phải thu từ hoạt động quản lý phụ danh mục đầu tư	2.691.280.805	2.440.065.819
Mirae Asset Global Investments (Hong Kong) Limited	Công ty cùng trong Tập đoàn	Phải thu từ hoạt động quản lý phụ danh mục đầu tư	45.316.208	39.761.917
Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	Công ty cùng trong Tập đoàn	Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	145.561.643	706.849.316
Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	780.554.774	619.087.453
Quỹ ETF MAFM VN30	Quỹ được quản lý	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	189.362.159	175.712.792
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	357.118.343	457.171.147
Quỹ Đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	38.413.432	37.638.436
Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND	Quỹ được quản lý	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	210.710.760	149.930.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ trong kỳ như sau:

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thu nhập của Chủ tịch, Tổng Giám đốc	<u>2.811.987.225</u>	<u>3.835.577.520</u>

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>30/06/2024</i>	<i>31/12/2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Dưới 1 năm	<u>2.583.908.625</u>	<u>3.408.379.224</u>
Từ 1 đến 5 năm	<u>2.334.584.360</u>	<u>3.210.053.495</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.918.492.985</u>	<u>6.618.432.719</u>

24. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kiểm soát nội bộ và Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Chủ tịch/Tổng Giám đốc phê duyệt.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Lãnh đạo Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và các khoản phải thu khách hàng.

Mức độ rủi ro tín dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Tổng cộng VND
		< 90 ngày VND	91 - 180 ngày VND	180 - 210 ngày VND	> 210 ngày VND	
Ngày 30 tháng 06 năm 2024						
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	4.697.052.493	-	-	-	-	4.697.052.493
Đầu tư tài chính – tiền gửi có kỳ hạn	36.350.000.000	-	-	-	-	36.350.000.000
Chứng chỉ quỹ	25.949.811.667	-	-	-	-	25.949.811.667
Trái phiếu	8.103.920.468	-	-	-	-	8.103.920.468
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	4.407.242.528	-	-	-	-	4.407.242.528
Phải thu ngắn hạn khác	1.099.780.607	-	-	-	-	1.099.780.607
Đầu tư dài hạn khác	10.200.000.000	-	-	-	-	10.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	832.193.680	-	-	-	-	832.193.680
Tổng cộng	91.640.001.443	-	-	-	-	91.640.001.443
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	5.603.960.962	-	-	-	-	5.603.960.962
Đầu tư tài chính – tiền gửi có kỳ hạn	39.400.000.000	-	-	-	-	39.400.000.000
Chứng chỉ quỹ	14.449.811.667	-	-	-	-	14.449.811.667
Trái phiếu	8.103.920.468	-	-	-	-	8.103.920.468
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	3.979.477.504	-	-	-	-	3.979.477.504
Phải thu ngắn hạn khác	2.807.118.210	-	-	-	-	2.807.118.210
Đầu tư dài hạn khác	10.200.000.000	-	-	-	-	10.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	832.193.680	-	-	-	-	832.193.680
Tổng cộng	85.376.482.491	-	-	-	-	85.376.482.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 6*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Công ty cố gắng chọn lọc những khách hàng có lịch sử tín dụng tốt.

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá. Ban Lãnh đạo tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 - 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 30 tháng 06 năm 2024				
Phải trả người bán	-	336.372.316	-	336.372.316
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	674.100.433	-	674.100.433
Phải trả công nhân viên	-	180.000	-	180.000
Chi phí phải trả	-	2.793.000.000	-	2.793.000.000
	-	3.803.652.749	-	3.803.652.749
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Phải trả người bán	-	128.149.914	-	128.149.914
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	2.620.870.756	-	2.620.870.756
	-	2.749.020.670	-	2.749.020.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá cổ phiếu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 do các hợp đồng tiền gửi trong kỳ có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái.

Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái từ các giao dịch tiền gửi ngắn hạn bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 do công ty đánh giá rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 0 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.472.665.049 đồng). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập:

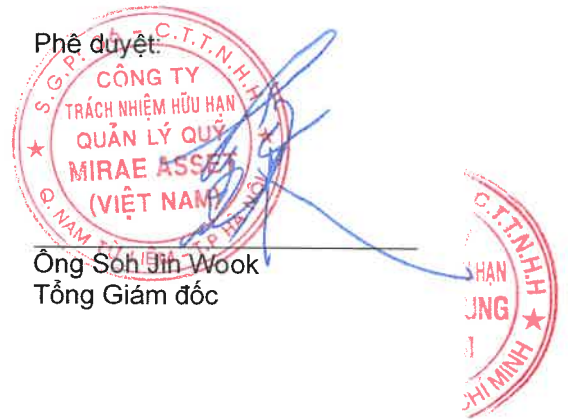


Bà Vũ Thị Thúy Lua
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Phê duyệt:



Ông Soh Jin Wook
Tổng Giám đốc